

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Giáo trình TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 24.4.2021

CHỖN CỰC LẠC CŨNG VÔ THƯỜNG
Kinh Vườn Hoan Hỷ (Nandanasuttam)

CHƯƠNG I. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN, PHẨM VƯỜN HOAN HỠ (S.i,5)

Hạnh phúc của sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, xúc lạc cho cho dù ở mức độ cực đại của thiên giới vẫn bị vô thường chi phối. Bài kinh này ghi lại một gian thoại xa xưa ở cõi Đạo Lợi được Đức Phật kể lại cho chư tỳ kheo nghe. Câu chuyện xảy lạc ở Lạc Viên (hay Vườn Hoan Hỷ) tại cõi trời Đạo Lợi (Tam Thập Tam Thiên) khi một tiên nam phát khởi niềm hân hoan vô tận trước sự diễm lệ cao sang của khu vườn đầy thiên lạc có tên Nandana và vị này đã thốt lên một bài kệ nói lên sự sung sướng của mình. Bấy giờ có một tiên nữ vốn là bậc chứng thánh quả đã đọc lên một bài kệ khác chứa đựng những là dạy cổ điển về bản chất có sanh phải diệt của vạn hữu.



Kinh Văn

Evam me sutam :
Như vậy tôi nghe.

***ekam samayaṃ Bhagavā sāvatthiyaṃ viharati jetavane
anāthapiṇḍikassa ārāme. Tatra kho Bhagavā bhikkhū āmantesi :
"bhikkhavoti.***

Một thời Thế Tôn trú ở Sāvattihī (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo"

"Bhadanteti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca :
-- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

"bhūtapubbaṃ, bhikkhave, aññatarā tāvatimsakāyikā devatā nandane vane accharāsaṅghaparivutā dibbehi pañcahi kāmagaṇehi samappitā samaṅgībhūtā paricāriyamānā tāyaṃ velāyaṃ imaṃ gāthaṃ abhāsi :
-- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có vị Thiên thuộc cõi trời Ba mươi ba, với chúng Thiên nữ vây quanh, du hí ở vườn Hoan Hỷ, thọ hưởng năm thiên dục công đức. Bây giờ, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này:

"Na te sukhaṃ pajānanti,
Chúng không biết đến lạc,

ye na passanti nandanam.
Nếu không thấy Hoan Hỷ,

Āvāsaṃ naradevānaṃ,
Chỗ trú cả Trời, Người, (xem thích văn và thích nghĩa để hiệu đính bản dịch)

tidasānaṃ yasassinanti..
Cõi ba mươi lừng danh.

"Evaṃ vutte, bhikkhave, aññatarā devatā taṃ devataṃ gāthāya paccabhāsi :
Được nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, một vị Thiên khác đáp vị Thiên ấy với bài kệ:

"Na tvaṃ bāle pajānāsi,
Kẻ ngu, sao không biết,

yathā arahataṃ vaco
Những bậc Ứng Cúng nói:

Aniccā sabbasaṅkhārā
"Tất cả hành vô thường,

uppādavayadhammino.
Tự tánh phải sanh diệt,

Uppajjitvā nirujjhanti,
Sau khi sanh, chúng diệt,

tesaṃ vūpasamo sukhoti..
Nhiếp chúng là an lạc."



Tāvatiṃsa: *Cõi Tam Thập Tam Thiên hay cõi trời Đao Lợi*

naradevānaṃ: *Thiên chủ (ở đây chỉ cho Đế Thích)*

saṅkhārā: *Pháp hữu vi, pháp hành, pháp cấu thành do nhân duyên*

arahata: *chư vị ứng cúng (Đức Phật và chư vị A la hán tinh văn)*

uppādavayadhammina: *Tự tánh có sanh ắt hoại diệt*

vūpasamo: *tịch tịnh, nhiếp phục, giải thoát*

sukha: *an lạc, hạnh phúc (được dùng với nhiều phạm trù khác nhau trong Phật học)*



Thích nghĩa

Theo Sớ Giải thì chữ naradevānaṃ đồng nghĩa với devapurisānaṃ (Naradevānanti devanarānaṃ, devapurisānanti attho) chỉ cho Thiên Chủ chứ không phải là là “trời, người” như trong bản dịch (Āvāsaṃ naradevānaṃ: chỗ trú cả Trời, Người) mà Lạc Viên là nơi hưởng lạc thú của thiên chủ Đế Thích.

Vị tiên nữ nói lên bài kệ truyền thống về sự vô thường của hữu vi pháp với câu đầu có chút khác hơn thường được nói aniccā sabbasaṅkhārā (tất cả pháp hữu vi đều vô thường) thay vì aniccā vata saṅkhārā (Pháp hữu vi quả thật vô thường).

Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng

-ooOoo-

1. Nandanasuttam [Mūla]

11. Evaṃ me sutam : ekaṃ samayaṃ **Bhagavā** sāvattiyam viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tatra kho **Bhagavā** bhikkhū āmantesi : "bhikkhavoti. "Bhadanteti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca : "bhūtapubbaṃ, bhikkhave, aññatarā tāvatimsakāyikā devatā nandane vane accharāsaṅghaparivutā dibbehi pañcahi kāmagaṇehi samappitā samaṅgībhūtā paricāriyamānā [paricāriyamānā (syā. kaṃ. ka.)] tāyam velāyam imaṃ gātham abhāsi :

"Na te sukham pajānanti, ye na passanti nandanam.

Āvāsam naradevaṇam, tidasānam yasassinanti.. "Evaṃ vutte, bhikkhave, aññatarā devatā taṃ devataṃ gāthāya paccabhāsi :

"Na tvam bāle pajānāsi, yathā arahataṃ vaco.

Aniccā sabbasaṅkhārā [sabbe saṅkhārā (sī. syā. kaṃ.)], uppādavayadhammino.

Uppajjitvā nirujjhanti, tesam vūpasamo sukhoti..

1. Nandanasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

11. Nandanavaggassa paṭhame **tatrāti** tasmim ārāme. **Khoti** byañjanasiliṭṭhatāvasena nipātamattaṃ. **Bhikkhū** āmantesīti parisajeṭṭhake bhikkhū jānāpesi. **Bhikkhavoti** tesam āmantanākārādīpanam. **Bhadanteti** pativacanadānam. **Te bhikkhūti** ye tattha sammukhībhūtā dhammapaṭiggāhakā bhikkhū. **Bhagavato paccassosunti** bhagavato vacanam patiassosum, abhimukhā hutvā suṇimso sampaṭicchimsūti attho. **Etadavocāti** etaṃ idāni vattabbaṃ “bhūtapubba”ntiādivacanam avoca. Tattha **tāvatimsakāyikāti** tāvatimsakāye nibbattā. Tāvatimsakāyo nāma dutiyadevaloko vuccati. Maghena māṇavena saddhim macalagāme kālam katvā tattha uppanne tettiṃsa devaputte upādāya kira tassa devalokassa ayam paṇṇatti jātāti vadanti. Yasmā pana sesacakkavālesupi cha kāmāvacaradevalokā atthi. Vuttampi cetam “sahassam cātumahārājikānam sahaṃsā tāvatiṃsāna”nti (a. ni. 10.29), tasmā nāmapaṇṇattiyeesā tassa devalokassāti veditabbā. Evañhi niddosam padaṃ hoti.

Nandane vaneti ettha taṃ vanaṃ pavitṭhe pavitṭhe nandayati tosetīti nandanam. Pañcasu hi maraṇanimittesu uppannesu “sampattiṃ pahāya cavissāmā”ti paridevamānā devatā sakko devānamindo “mā paridevittha, abhijjanadhammā nāma saṅkhārā natthī”ti ovaditvā tattha pavesāpeti. Tāsaṃ aññāhi devatāhi bāhāsu gahetvā pavesitānampi tassa sampattiṃ disvāva maraṇasoko vūpasammati, pītipāmojjameva uppajjati. Atha tasmim kīlamānā eva uṇhasantatto himaṇḍo viya vilīyanti, vātāpahatadīpasikhā viya vijjhāyantīti evaṃ yaṃkiñci anto pavitṭhaṃ nandayati tosetiyevāti nandanam, tasmim nandane. **Accharāsaṅghaparivutāti accharāti** devadhītānaṃ nāmaṃ, tāsaṃ samūhena parivutā.

Dibbehīti devaloke nibbattehi. **Pañcahi kāmaguṇehīti** manāpiyarūpasaddagandharasaphoṭṭhabbasāṅkhātehi pañcahi kāmabandhanehi kāmakoṭṭhāsehi vā. **Samappitāti** upetā. Itaraṃ tasseva vevacanaṃ. **Paricārayamānāti** ramamānā, tesu tesu vā rūpādīsu indriyāni sañcārayamānā. **Tāyaṃ velāyanti** tasmim paricāraṇakāle. So panassa devaputtassa adhunā abhinibbattakālo veditabbo. Tassa hi paṭisandhikkhaṇeyeva rattasuvaṇṇakkhandho viya virocayamāno tigāvutappamāno attabhāvo nibbatti. So dibbavatthanivattho dibbālaṅkārapaṭimaṇḍito dibbamālāvilepanadharo dibbehi candanacuṇṇehi samaṃ vikiriyamāno dibbehi pañcahi kāmaguṇehi ovuto nivuto pariyaṇaddho lobhābhibhūto hutvā lobhanissaraṇaṃ nibbānaṃ apassanto āsabhiṃ vācaṃ bhāsanto viya mahāsaddena “na te sukhaṃ pajānantī”ti imaṃ gāthaṃ gāyamāno nandanavane vicari. Tena vuttaṃ – “tāyaṃ velāyaṃ imaṃ gāthaṃ abhāsī”ti.

Ye na passanti nandananti ye tatra pañcakāmaguṇānubhavanavasena nandanavanaṃ na passanti. **Naradevānanti** devanarānaṃ, devapurisānanti attho. **Tidasānanti** tikkhattuṃ dasannaṃ. **Yasassinanti** parivārasāṅkhātena yasena sampannānaṃ.

Aññatarā devatāti ekā ariyasāvikā devatā. **Paccabhāsīti** “ayam bāladevatā imaṃ sampattiṃ niccaṃ acalaṃ maññati, nāssā chedanabhedanaviddhaṃsanadhammatam jānāti”ti adhippāyaṃ vivatṭetvā dassentī “na tvam bāle”ti imāya gāthāya patiabhāsi. **Yathā arahataṃ vacoti** yathā arahantānaṃ vacanaṃ, tathā tvam na jānāsīti. Evaṃ tassā adhippāyaṃ paṭikkhipitvā idāni arahantānaṃ vacanaṃ dassentī **aniccā**tiādīmāha. Tattha **aniccā vata saṅkhārā**ti sabbe tebhūmakasaṅkhārā hutvā abhāvatthena aniccā. **Uppādavayadhamminoti** uppādavayasabhāvā. **Uppajjitvā nirujjhantī**ti idaṃ purimasseva vevacanaṃ. Yasmā vā uppajjitvā nirujjhanti, tasmā uppādavayadhamminoti. Uppādavayaggahaṇena cettha tadanantarā vemajjhaṭṭhānaṃ gahitameva hoti. **Tesaṃ vūpasamo sukhoti** tesaṃ saṅkhārānaṃ vūpasamasāṅkhātaṃ nibbānameva sukhaṃ. Idaṃ arahataṃ vacoti.

Nandanasuttavaṇṇanā niṭṭhitā.